TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 324/2024/QĐST-HNGĐ	*Chợ Lách, ngày 30 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thanh M, sinh năm: 1983; địa chỉ: 339/1 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1983; địa chỉ: 339/1 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1985; địa chỉ: 339/1 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 59 và 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Đoàn Thị Thanh M và ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Ghi nhận việc bà Đoàn Thị Thanh M và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2.2/ Về con chung: Bà Đoàn Thị Thanh M và ông Nguyễn Văn T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

2.3/ Về tài sản:

2.3.1/ Ông Nguyễn Văn T được toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng, định đoạt các tài sản gồm:

- 01 (một) chiếc xe máy hiệu Honda Future Neo, biển số 71C4-497.97 và 01 (một) chiếc xe máy hiệu Yamaha Taurus, biển số 71H1-0880 (hiện do ông Nguyễn Văn T đang quản lý, sử dụng).

- 01 (một) căn nhà xây dựng trên thửa đất số 73, tờ bản đồ 16, tọa lạc xã Phú Phụng do ông Nguyễn Văn N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà chính có kết cấu khung bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch Ceramic, mái lợp tole tráng kẽm, trần nhựa, diện tích 65,07m^2. Nhà phụ có kết cấu khung cột bê tông cốt thép chôn chân, không vách, không trần; chiều dài 3,9m, rộng 6,1m, diện tích 23,79m^2.

2.3.2/ Ông Nguyễn Văn T được toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 387, tờ bản đồ 16, diện tích 463m^2, tọa lạc xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận như sau:

- Bắc giáp rạch;

- Đông giáp thửa 388 (ông Trần Minh P);

- Tây giáp thửa 430 (bà Huỳnh Thị Kim H);

- Nam giáp thửa 125 (bà Nguyễn Thị L).

(Có họa đồ thửa đất kèm theo).

Ông Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên theo quy định.

2.3.3/ Ông Nguyễn Văn T tự nguyện đồng ý hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị Thanh M tổng số tiền là 293.625.000đ (hai trăm chín mươi ba triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng), trong đó bao gồm:

- Một nửa giá trị của chiếc xe máy hiệu Honda Future Neo, biển số 71C4-497.97 và một nửa giá trị của chiếc xe máy hiệu Yamaha Taurus, biển số 71H1-0880 với số tiền là 20.000.000đồng;

- Một nửa giá trị quyền sử dụng của thửa đất số 387, tờ bản đồ 16, diện tích 463m^2, tọa lạc xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre với số tiền là 173.625.000đồng;

- Một nửa giá trị của căn nhà xây dựng trên thửa đất số 73, tờ bản đồ 16, tọa lạc xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre với số tiền là 100.000.000đồng.

2.3.4/ Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn N tự nguyện đồng ý để cho ông Nguyễn Văn T được tiếp tục sinh sống tại căn nhà xây dựng trên thửa đất số 73, tờ bản đồ 16, tọa lạc xã B do ông Nguyễn Văn N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không yêu cầu ông T phải tháo dở, di dời nhà để trả lại đất

cho ông Nhã. Ghi nhận việc ông N không yêu cầu ông T hoàn trả lại phần giá trị (30.000.000đồng) mà ông N đã đóng góp vào việc xây dựng căn nhà.

2.4/ Về nợ: Bà Đoàn Thị Thanh M, ông Nguyễn Văn T thống nhất xác định không có nợ; Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu quyết gì về nợ có liên quan đến vụ án này nên không xem xét, giải quyết.

2.5/ Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T tự nguyện đồng ý hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị Thanh M một phần ba chi phí tố tụng với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng).

2.6/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.6.1/ Bà Đoàn Thị Thanh M tự nguyện đồng ý nhận chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 7.341.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản; tổng cộng là 7.491.000đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 11.480.000đ (mười một triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000809 ngày 24 tháng 4 năm 2024 (11.180.000đồng) và 0001029 (300.000đồng) ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà Đoàn Thị Thanh M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 3.989.000đ (ba triệu chín trăm tám mươi chín ngàn đồng);

2.6.2/ Ông Nguyễn Văn T tự nguyện đồng ý nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.341.000đ (bảy triệu ba trăm bốn mươi mốt ngàn đồng).

2.7/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Bà Đoàn Thị Thanh M (01 bản);
- Ông Nguyễn Văn T (01 bản);
- Ông Nguyễn Văn N (01 bản);
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C, tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền